

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 128/2024/DS-PT  
Ngày 04 - 9 - 2024  
V/v tranh chấp chia thừa kế

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hùng

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27/8/2024 và 04/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp chia thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 93/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị Minh C, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số A, khóm T, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu;

1.2. Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số A, khóm T, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu;

1.3. Bà Nguyễn Thị H (Tên gọi khác: L), sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T (Tên gọi khác: T1), sinh năm 1969. Địa chỉ: Số B, khóm T, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Minh T: ông Nguyễn Duy S, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Kim N1, sinh năm 1963. Địa chỉ: Khóm T, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Bà Nguyễn Thị Hồng T2, sinh năm 1971. Địa chỉ: Khóm T, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3.3. Bà Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1977. Địa chỉ: Khóm T, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3.4 Bà Nguyễn Thị Ánh H1, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khóm T, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3.5 Bà Nguyễn Thị Ánh H2, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khóm T, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Minh C, bà Nguyễn Thị Hồng N, bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn.

(Bà C, bà N, bà H, ông T, ông S có mặt. Các đương sự là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

#### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án đồng nguyên đơn bà C, bà N và bà H trình bày như sau:

Bà C, bà N và bà H là con ruột của cụ Nguyễn Hữu Ú sinh năm 1930 (chết năm 2011) và cụ Vu Thị S1, sinh năm 1940 (chết năm 1998), cụ Ú và cụ S1 có chung với nhau 09 người con, như sau: Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Kim N1, bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Hồng T2, bà Nguyễn Thị Minh C, bà Nguyễn Thị Hồng M, bà Nguyễn Thị Ánh H1 và bà Nguyễn Thị Ánh H2. Ngoài ra, cụ Ú và cụ S1 không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Cụ Ú và cụ S1 chết không có để di chúc, di sản mà các cụ để lại gồm có phần đất và căn nhà gắn liền với đất có chiều ngang 11m chiều dài hơn 70m, đất ruộng khoảng 15 công, một chiếc xe gắn máy và phần ruộng hơn 01 công. Ngoài ra, cụ Ú và cụ S1 không còn di sản nào khác. Trong đó, bà C, bà N và bà H đồng ý cho ông T hưởng phần đất và căn nhà gắn liền với đất có chiều ngang 11m chiều dài hơn 70m, đất ruộng khoảng 15 công, một chiếc xe gắn máy, đối với phần đất ruộng hơn 01 công được Nhà nước bồi thường hỗ trợ, tái định cư theo Quyết định số 03, ngày 15/01/2020 với số tiền 984.438.850đ thì bà C, bà N và bà H ký văn bản ủy quyền cho ông T thay mặt nhận số tiền này, tại “Tờ lời hứa” ngày 05/01/2021 ông T có hứa khi nào nhận được số tiền bồi thường 984.438.850đ sẽ chia cho bà C, bà N và bà H số tiền 82.000.000đ/người, ông T đã nhận được tiền, nhưng đến nay ông T chưa chia lại cho bà C, bà N và bà H. Vì vậy, nay bà C, bà N và bà H yêu cầu Tòa án buộc ông T chia đều cho hàng thừa kế của cụ Ú và cụ S1 gồm 09 người con, mỗi người được nhận số tiền 82.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà C, bà N và bà H không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T và người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Nguyễn Duy S trình bày:

Ông T là con ruột của cụ Nguyễn Hữu Ú (đã chết năm 2011), khi cụ Ú còn sống, vào năm 2000 cụ Ú có cho ông T 13 công đất tằm cây, có diện tích khoảng 16.900m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại khóm T, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Đến năm 2010, khi cảm thấy sức khỏe yếu, cụ Ú có tập hợp anh, chị, em của ông T để họp và chia di sản cho các con, trong đó ông T được cho phần đất khoảng hơn 13 công tằm cây có chữ ký của các con cụ Ú.

Năm 2020, khi Nhà nước lập dự án xây dựng trụ sở Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh B, thì phần đất trên nằm trong quy hoạch dự án phải thu hồi có diện tích 2.015m<sup>2</sup>. Theo Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông Nguyễn Minh T, ông T là người quản lý sử dụng đất bị thu hồi. Tại Quyết định xác định phần đất thu hồi là 2.015m<sup>2</sup>, đơn giá 226.590 đồng/m<sup>2</sup>, thành tiền là 456.578.850 đồng và tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề cho gia đình ông T, người trực tiếp sản xuất là 527.860.000 đồng, tổng cộng số tiền là 984.438.850 đồng. Sau khi nhận chi trả bồi thường, hỗ trợ, ông T có cho lại anh, chị, em gồm: Bà Nguyễn Thị Kim N1, bà Nguyễn Thị Hồng T2, bà Nguyễn Thị Hồng M, bà Nguyễn Thị Ánh H1 và bà Nguyễn Thị Ánh H2, mỗi người với số tiền 20.000.000 đồng. Riêng bà H, bà C và bà N không nhận.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh C, bà Nguyễn Thị Hồng N và bà Nguyễn Thị H, ông T không đồng ý. Vì phần đất này được bồi thường là do cụ Nguyễn Hữu Ú cho ông T thể hiện bằng di nguyện, được lập vào ngày 25/02/2010 có sự chứng kiến, ký tên của tất cả anh, chị, em ông T. Đối với phần đất thu hồi số tiền được chi trả, bồi thường chỉ là 456.578.850 đồng, riêng đối với số tiền 527.860.000 đồng là tiền chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề cho người trực tiếp quản lý, sử dụng đất là hộ gia đình ông T.

\*Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim N1, bà Nguyễn Thị Hồng T2, bà Nguyễn Thị Hồng M, bà Nguyễn Thị Ánh H1 và bà Nguyễn Thị Ánh H2 cùng trình bày như sau: Các bà là con ruột của cụ Nguyễn Hữu Ú sinh năm 1930 (chết năm 2011) và cụ Vưu Thị S1, sinh năm 1940 (chết năm 1998). Nay bà N1, bà T2, bà M, bà H1 và bà H2 không có yêu cầu Tòa án giải quyết gì, nếu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Hữu Ú chết để lại theo pháp luật đối với số tiền 984.438.850 đồng, yêu cầu chia cho 9 người mỗi người được nhận 82.000.000 đồng thì phần của bà N1, bà T2, bà M, bà H1 và bà H2 được nhận, các bà đồng ý để lại kỷ phần này cho ông Nguyễn Minh T.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh C, bà Nguyễn Thị Hồng N và bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án xem xét chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Hữu Ú để lại theo pháp luật đối với phần đất diện tích là 2.015,0m<sup>2</sup>, nằm trong thửa đất số 17,

tờ bản đồ số 01(6) (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Hữu Ú tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 04) được Nhà nước bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, tổng số tiền 984.438.850 đồng mà ông T đã nhận, chia cho 9 người, mỗi người nhận được số tiền 109.382.094 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu ông T trả lại cho mỗi người số tiền 82.000.000 đồng mà ông Nguyễn Minh T hứa giao lại. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn ông Nguyễn Minh T cung cấp tờ di nguyện của cụ Nguyễn Hữu Ú đề ngày 25/02/2010 và có ý kiến đồng ý chia số tiền 456.578.850 đồng cho 09 người chị, em trong gia đình, mỗi người được nhận số tiền 50.730.983 đồng; Phần của bà N1, bà T2, bà M, bà H1 và bà H2 có ý kiến cho ông T, nên ông T đề nghị Tòa án ghi nhận.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 04/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh C, bà Nguyễn Thị Hồng N và bà Nguyễn Thị H đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Hữu Ú số tiền 456.578.850 đồng.

- Chia cho bà Nguyễn Thị Minh C, bà Nguyễn Thị Hồng N và bà Nguyễn Thị H mỗi người số tiền 50.730.983 đồng. Buộc ông Nguyễn Minh T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Minh C, bà Nguyễn Thị Hồng N và bà Nguyễn Thị H, mỗi người số tiền 50.730.983 đồng.

- Chia cho ông Nguyễn Minh T số tiền 304.385.901 đồng.

2. Không chấp nhận đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Minh C, bà Nguyễn Thị Hồng N và bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế số tiền 527.860.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh C, bà Nguyễn Thị Hồng N, bà Nguyễn Thị H cùng kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ thì không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản

1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 04/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của các đương sự nộp trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng và quan hệ tranh chấp đã được cấp sơ thẩm nhận định và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim N1, bà Nguyễn Thị Hồng T2, bà Nguyễn Thị Hồng M, bà Nguyễn Thị Ánh H1 và bà Nguyễn Thị Ánh H2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng:

[4.1] Tại các Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc thu hồi đất của cụ Nguyễn Hữu Ú và Quyết định số 03/QĐ-UBND, ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, thể hiện phần đất do Ủy ban nhân dân thành phố B thu hồi và bồi thường, hỗ trợ và tái định cư có diện tích là 2.015,0m<sup>2</sup>, nằm trong thửa đất số 17, tờ bản đồ số 01(6) (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Nguyễn Hữu Ú tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 04) (BL 58, 61) là di sản của cụ Ú để lại.

[4.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T có ý kiến đồng ý chia số tiền 456.578.850 đồng cho 09 người chị, em trong gia đình, mỗi người được nhận số tiền 50.730.983 đồng. Phần của bà N1, bà T2, bà M, bà H1 và bà H2 có ý kiến cho ông T, ông T đề nghị được nhận. Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận ý kiến của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự không đặt ra yêu cầu xem xét đối với các quyết định hành chính về thu hồi, bồi thường, hỗ trợ do cơ quan quản lý nhà nước ban hành; thống nhất số tiền bồi thường, chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với số tiền này. Xét quyết định bồi thường và hỗ trợ gồm hai phần: phần đất bị thu hồi bồi thường số tiền 456.578.850 đồng. Phần Hỗ trợ ổn định đời sống (thu hồi >70%) số tiền 3.960.000 đồng/nhân khẩu và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (VT3) số tiền 260.000 đồng/2.015m<sup>2</sup>,

tổng số tiền 523.900.000 đồng. Theo Điều 84 của Luật đất đai năm 2013 quy định về Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất, tại khoản 1 quy định: “Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không có đất nông nghiệp để bồi thường thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm”. Theo bản Trích lục phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (BL 60) thì Cơ quan quản lý nhà nước tính cho ông T do là người đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp là 527.860.000 đồng, chứ không hỗ trợ cho cụ Ú nên số tiền 527.860.000 đồng nên đây không phải là di sản của cụ Ú. Cấp sơ thẩm không chia thừa kế số tiền 527.860.000 đồng là có căn cứ.

Do đó, cấp sơ thẩm chia cho bà Nguyễn Thị Minh C, bà Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim N1, Nguyễn Thị Ánh H1, Nguyễn Thị Hồng T2, Nguyễn Thị Ánh H2, bà Nguyễn Thị Hồng M và ông Nguyễn Minh T mỗi người được nhận 01 kỷ phần thừa kế với số tiền 50.730.983 đồng là phù hợp.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Minh C, bà Nguyễn Thị Hồng N, bà Nguyễn Thị H. Có căn cứ chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2024/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm, các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Minh C, bà Nguyễn Thị Hồng N, bà Nguyễn Thị H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2024/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650 và 651 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 1 Điều 84 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ các Điều 2, 6, 7, 7a, 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh C, bà Nguyễn Thị Hồng N và bà Nguyễn Thị H đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Hữu Ú số tiền 456.578.850 đồng.

**1.1.** Chia cho bà Nguyễn Thị Minh C, bà Nguyễn Thị Hồng N và bà Nguyễn Thị H mỗi người số tiền 50.730.983 đồng. Buộc ông Nguyễn Minh T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Minh C, bà Nguyễn Thị Hồng N và bà Nguyễn Thị H, mỗi người số tiền 50.730.983 đồng.

**1.2.** Chia cho ông Nguyễn Minh T số tiền 304.385.901 đồng.

**2.** Không chấp nhận đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Minh C, bà Nguyễn Thị Hồng N và bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế số tiền 527.860.000 đồng.

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

**3.1.** Bà Nguyễn Thị Minh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật số tiền 2.536.549 đồng, bà C đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001924, ngày 05 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nay được đối trừ; Buộc bà Nguyễn Thị Minh C phải nộp số tiền 536.549 đồng.

**3.2.** Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật số tiền 2.536.549 đồng, bà N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001925, ngày 05 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nay được đối trừ; Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N phải nộp số tiền 536.549 đồng.

**3.3.** Bà Nguyễn Thị H được miễn án phí do là người cao tuổi.

**3.4.** Buộc ông Nguyễn Minh T nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 15.219.295 đồng.

**4.** Về án phí dân sự phúc thẩm:

**4.1.** Bà Nguyễn Thị Minh C, bà Nguyễn Thị Hồng N, mỗi người phải chịu 300.000 đồng; bà C đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo lai thu số 0002833 ngày 19/6/2024; bà N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo lai thu số 0002832 ngày 19/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, được chuyển thu án phí.

**4.2.** Miễn án phí phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền trên đây, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND TP. Bạc Liêu;
- CCTHADS TP Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thanh Hùng**

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Thanh Dũng**

**Huỳnh Thị Kiều Anh**

**Lê Thanh Hùng**



